

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2026/DS-PT

Ngày 03 - 02 - 2026

V/v Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Anh Tuấn

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 483/2025/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2025/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 583/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Tuyết H, sinh năm 1962.

Căn cước công dân: 096162008016, cấp ngày 28/9/2021.

Địa chỉ cư trú: Ấp Q, xã B, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Quách Thanh S, sinh ngày 13/4/1986; Căn cước công dân: 096086004402, cấp ngày 18/11/2021; Địa chỉ: Ấp Q, xã B, tỉnh Cà Mau (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 03/9/2025, có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Thanh Liệt và bà Nguyễn Cẩm Nha, Luật sư của Văn phòng Luật sư Trịnh Thanh Liệt, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau; Địa chỉ: Số 09, Hồ Trung Thành, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau: Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Cà Mau; địa chỉ trụ sở: Ấp Q, xã B, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh Hải, sinh ngày 25/12/1976; Căn cước công dân số 096076000188 cấp ngày 28/3/2021; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Quốc Tín, sinh ngày 24/3/1979; Căn cước công dân số 096079014920 cấp ngày 14/9/2021; chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã B, tỉnh Cà Mau. (Văn bản ủy quyền ngày 06/01/2026, có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Đặng Thị T, sinh năm 1960;

Địa chỉ cư trú: Ấp Q, xã B, tỉnh Cà Mau;

2/ Bà Đặng Thị G, sinh năm 1956;

Địa chỉ cư trú: Ấp Q, xã B, tỉnh Cà Mau;

3/ Bà Đặng Thị M, sinh năm 1946;

Địa chỉ cư trú: Ấp Huỳnh Nuôi, xã B, tỉnh Cà Mau;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trinh, bà Gương, bà Mùa: Bà Đặng Thị Tuyết H, sinh năm 1962; Địa chỉ cư trú: Ấp Q, xã B, tỉnh Cà Mau (Giấy ủy quyền ngày 19/12/2024, vắng mặt).

4/ Trường Mầm non R (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Q, xã B, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của Trường Mầm non Rạng Đông: Bà Huỳnh Thị Mỹ Nhiên, Chức vụ: Hiệu trưởng.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Đặng Thị Tuyết H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn bà Đặng Thị Tuyết H trình bày:

Phần đất tranh chấp với UBND xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là xã B, tỉnh Cà Mau) có diện tích 2.000m², chiều ngang từ vàm Kinh Số 6 La Cua đo qua 80m, chiều dài tính từ trụ sở UBND xã B ra đến mí sông Trẹm 25m, đất tọa lạc tại Ấp Q, xã B (nay là xã B), tỉnh Cà Mau.

Khoảng năm 1986, cha mẹ bà H là ông Đặng Tấn Tài (Chết năm 2007) và bà Từ Thị Biện (Chết năm 2007) có cho Ủy ban nhân dân xã B (cũ), tỉnh Cà Mau mượn một phần đất để xây dựng trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân xã B (cũ). Đến năm 2015, Ủy ban nhân dân xã B di dời về địa điểm mới, không sử dụng phần đất của ông Tài đã cho mượn, mà để lại xây dựng Trường Mầm Non Rạng Đông và một phần cho người khác thuê làm bãi tập kết vật liệu xây dựng.

Bà H thấy mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã B) không đúng với thỏa thuận ban đầu với cha của bà là ông Đặng Tấn Tài, nên bà H đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã B trả lại cho bà phần đất cho người khác thuê làm bãi tập kết vật liệu xây dựng, phần đất xây dựng Trường Mầm Non bà H không yêu cầu, nhưng Ủy ban nhân dân xã B không đồng ý trả lại đất cho bà. Do đó, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết, buộc Ủy ban nhân dân xã B trả lại cho bà phần đất có diện tích 2.000m² trước đây Ủy ban nhân dân xã B đã cho cơ sở vật liệu xây dựng Phương Trinh để làm bãi tập kết vật liệu xây dựng.

Sau khi đo đạc thực tế, bà H điều chỉnh yêu cầu UBND xã B, tỉnh Cà Mau trả lại cho bà H phần đất diện tích thể hiện tại bản vẽ hiện trạng các thửa đất do Công ty TNHH MTV tài nguyên và thương mại Gõ Tân Thành thực hiện ngày 28/4/2025 phần đất có tổng diện tích là 1.376,7m². Trong đó: Thửa ký hiệu DGD1/114,2m² và thửa ký hiệu DGD2/208,9m² và thửa ký hiệu HNK3/1.053,6m² ven Sông Trẹm. Nay bà H xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu đòi diện tích tại thửa ký hiệu DGD1/114,2m² và thửa ký hiệu DGD2/208,9m², chỉ yêu cầu UBND xã B, tỉnh Cà Mau trả lại cho bà H phần đất diện tích tại thửa ký hiệu HNK3/1.053,6m² ven Sông Trẹm.

Theo bị đơn UBND xã B do người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Phần đất 2.000m² bà Đặng Thị Tuyết H yêu cầu UBND xã B trả, theo đo đạc thực tế thể hiện tại bản vẽ hiện trạng các thửa đất do Công ty TNHH MTV tài nguyên và thương mại Gõ Tân Thành thực hiện ngày 28/4/2025 có tổng diện tích là 1.376,7m², trong đó: Thửa ký hiệu DGD1/114,2m² và thửa ký hiệu DGD2/208,9m² và thửa ký hiệu HNK3/1.053,6m² ven Sông Trẹm.

Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau (Nay UBND xã B, tỉnh Cà Mau) xác định: Đối với phần đất tranh chấp, trước đây gia đình bà H là ông Đặng Tấn Tài (tên thường gọi là ông Hai Biện) đã hiến cho UBND xã xây dựng trụ sở, nay UBND xã đã di dời trụ sở về địa điểm mới nên bà H yêu cầu UBND xã trả lại phần đã hiến lại cho gia đình là không có cơ sở, bởi lẽ, khoản năm 1987 được Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 33B-HĐBT ngày 14/02/1987 về việc phân vạch, điều chỉnh địa giới hành chính một số xã của huyện Thới Bình, tỉnh Minh Hải cũ, trong đó có xác nhập xã B với xã Thới Thuận thành một xã và lấy tên là xã B Đông. Thời điểm đó, lãnh đạo UBND xã B có trao đổi với ông Đặng Tấn Tài (cha bà H) và được gia đình ông Tài đồng ý hiến một phần đất ngay ngã tư kênh số 6 giáp Sông Trẹm để xây dựng trụ sở cho UBND xã B làm việc và từ đó phần đất được UBND xã quản lý sử dụng ổn định cho đến khi phát sinh đơn yêu cầu của bà H (có biên bản xác minh những cán bộ hưu trí từng đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo của UBND xã thời điểm đó). Việc UBND xã quản lý sử dụng đất công do nhà nước quản lý và phần đất này đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền quản lý sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, thuộc sở hữu của Nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp ngày 30/12/2004, với tổng diện tích đất là 582,4m²,

thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 13. Phần đất còn lại cặp mé sông Trẹm nằm ngoài giấy CNQSD đất của UBND xã B Đông, thửa đất số 265 tờ bản đồ số 13 là phần đất bảo lưu ven sông và bảo lưu tuyến lộ bờ Đông sông Trẹm (theo Công văn số 318/UBND do UBND huyện Tban hành ngày 07/4/2014), nên khu vực đất này UBND xã B không có thẩm quyền để giao trả lại đất theo đơn yêu cầu của bà H.

Theo Điều 191 của Luật Đất đai 2024 quy định về đất bãi bồi ven sông, ven biển như sau:

1. Đất bãi bồi ven sông, ven biển bao gồm đất bãi sông, đất bãi nổi, cù lao trên sông, đất bãi bồi ven biển và đất bãi nổi, cù lao trên biển.

2. Việc quản lý, sử dụng đất bãi bồi ven sông, ven biển thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đất bãi bồi ven sông, ven biển thuộc địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương nào thì do Ủy ban nhân dân cấp huyện đó quản lý;

b) Đất bãi bồi ven sông, ven biển được Nhà nước giao, cho thuê đối với tổ chức kinh tế, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Nhà nước có trách nhiệm lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để đưa đất bãi bồi ven sông, ven biển vào sử dụng.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm điều tra, khảo sát, theo dõi, đánh giá quy đất bãi bồi ven sông, ven biển thường xuyên được bồi tụ hoặc thường bị sạt lở để có kế hoạch khai thác, sử dụng. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định giao đất, cho thuê đất bãi bồi ven sông, ven biển thường xuyên được bồi tụ hoặc thường bị sạt lở cho người có nhu cầu.

5. Việc sử dụng đất bãi bồi ven sông, ven biển dựa trên nguyên tắc bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông và phòng chống thiên tai.

Đối với phần đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền quản lý sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, thuộc sở hữu của Nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp, đã giao lại cho cho Trường Mầm non Rạng Đông để xây dựng trường học. Vào năm 2015 UBND xã B di dời đến địa điểm mới nên phần đất thuộc UBND xã cũ không còn sử dụng, lúc đó Trường Mầm non Rạng Đông đang chuẩn bị để được công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia, nhưng do diện tích không đảm bảo đủ điều kiện nên UBND xã đã xin ý kiến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để bàn giao lại phần diện tích thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 13 để cho Trường Mầm non đảm bảo đủ diện tích để được công nhận Trường đạt chuẩn Quốc gia và từ đó đến nay Trường Mầm non Rạng Đông đã quản lý và sử dụng ổn định phần đất này. (Theo Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Cà

Mau về việc phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất đối với cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 31/3/2023 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2017, UBND xã đã có buổi làm việc trực tiếp với bà Đặng Thị Tuyết H (có bản sao biên bản kèm theo) trong buổi làm việc bà H cũng đã cam kết là sẽ không còn yêu cầu, khiếu nại gì đến phần đất này từ ngày làm việc trở về sau, khi được UBND huyện T ban hành Quyết định số 4541/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2015 về việc thu hồi một phần diện tích trong giấy CNQSD đất do UBND xã B quản lý sử dụng là 84m² để cấp giấy CNQSD đất cho bà Đặng Thị Tuyết H.

Bà Trinh, bà Gương, bà Mùa là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ủy quyền cho bà H trình bày: Thống nhất theo quan điểm khởi kiện của bà H là nguyên đơn.

Từ nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 38/2025/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – C đã quyết định:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Tuyết H đối với UBND xã B, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đặng Thị Tuyết H với UBND xã B, huyện T cũ nay là UBND xã B, tỉnh Cà Mau về việc trả lại phần đất tại thửa ký hiệu HNK3/1.053,6m² ven Sông Trẹm, theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH MTV tài nguyên và thương mại Gổ Tân Thành thực hiện ngày 28/4/2025.

(Kèm theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH MTV tài nguyên và thương mại Gổ Tân Thành thực hiện ngày 28/4/2025)

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 05 tháng 9 năm 2025, nguyên đơn bà H kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của bà H buộc UBND xã B trả phần đất tại thửa ký hiệu HKN3/1.053,6m² ven sông Trẹm theo bản vẽ ngày 28/4/2025.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng

cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 38/2025/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đặng Thị Tuyết H khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân xã B trả lại cho bà H phần đất diện tích tại thửa ký hiệu HNK3/1.053,6m² ven Sông Trẹm, đối tượng tranh chấp là phần đất tọa lạc tại Ấp Q, xã B Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (Nay là xã B, tỉnh Cà Mau) nên Tòa án nhân dân huyện Khu vực 2 - Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng quan hệ tranh chấp và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong hạn luật định và bà H thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí nên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nguồn gốc phần đất tranh chấp: Nguyên đơn bà H và bị đơn UBND xã B đều thống nhất phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Đặng Tấn Tài và bà Từ Thị Biện là cha mẹ của bà H; Ủy ban nhân dân xã B (cũ), tỉnh Cà Mau có nhận của cụ Tài và cụ Biện một phần đất để xây dựng trụ sở làm việc. Đây là các tình tiết, sự kiện được các bên đương sự thống nhất thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Xét thấy, bà H là nguyên đơn cho rằng cụ Tài và cụ Biện chỉ cho UBND xã B mượn phần đất tranh chấp để xây dựng trụ sở làm việc, còn UBND xã B cho rằng cụ Tài, cụ Biện đã hiến tặng phần đất cho UBND xã xây dựng trụ sở làm việc và UBND xã đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 582,4m². Bà H là nguyên đơn nên bà H có nghĩa vụ chứng minh yêu cầu khởi kiện của bà có căn cứ pháp lý, tuy nhiên, bà H không cung cấp được tài liệu, văn bản nào thể hiện việc cụ Tài, cụ Biện cho UBND xã B (cũ) mượn đất xây dựng trụ sở. Bà H có cung cấp nhân chứng ông Nguyễn Văn Lập, ông Nguyễn Văn Chiến nguyên lãnh đạo UBND xã B thời điểm trước đây, bà H cho rằng ông Lập, ông Chiến có đến gia đình của bà để vận động gia đình bà cho UBND xã B mượn đất.

Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét nội dung các giấy xác nhận của ông Lập, ông Chiến đề ngày 20/12/2024, tuy nhiên, ông Lập và ông Chiến đều xác định các ông có đến gia đình ông Tài, bà Biện vận động và được ông Tài, bà Biện đồng ý hiến đất cho UBND xã xây dựng trụ sở làm việc. Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn xem xét chứng cứ là ý kiến của những người lớn tuổi công tác tại UBND xã và trường THCS Biển Bạch Đông như ông Từ Văn Mười (giấy xác nhận ngày 09/9/2022); ông Nguyễn Văn Hiên (giấy xác nhận ngày 30/9/2022); ông Đặng Văn Khá (giấy xác nhận ngày 20/3/2023); ông Đỗ Quốc Hận (giấy xác nhận ngày 05/9/2022), đây

là những người hiểu biết sự việc, các ý kiến đều xác nhận ông Tài, bà Biện thời điểm năm 1986 có hiến đất cho UBND xã xây dựng trụ sở làm việc.

[2.3] Xét quá trình sử dụng đất: Sau khi được hiến đất xây dựng trụ sở làm việc, UBND xã B đã quản lý, sử dụng đất và phần đất được hiến tặng trở thành đất công do nhà nước quản lý, phần đất này đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền quản lý sử dụng đất ngày 30/12/2004, diện tích đất là 582,4m², thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 13, đất thuộc trụ sở làm việc, thuộc sở hữu của Nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp. Đến năm 2015, UBND xã B di dời đến địa điểm mới nên phần đất thuộc UBND xã cũ không còn sử dụng, UBND xã đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền bàn giao lại phần diện tích thuộc thửa đất số 264, tờ bản đồ số 13 để cho Trường Mầm non quản lý và sử dụng ổn định phần đất này. Hiện đã có phương án sắp xếp giao lại cho trường Mầm Non Rạng Đông tiếp nhận theo Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Cà Mau về việc phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất đối với cơ sở nhà, đất trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 31/3/2023 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

[2.4] Khi UBND xã B dời về trụ sở mới, bà H có yêu cầu đòi lại đất và sau khi thỏa thuận, UBND huyện T ban hành Quyết định số 4541/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2015 về việc thu hồi một phần diện tích trong giấy CNQSD đất do UBND xã B quản lý sử dụng là 84m² để cấp giấy CNQSD đất cho bà Đặng Thị Tuyết H, bà H đã chuyển nhượng lại cho ông Đặng Quốc Phong và ông Huỳnh Chí Phúc. Tiếp tục, bà H có yêu cầu đòi lại đất. Vào ngày 25/5/2017, UBND xã B đã có buổi làm việc trực tiếp với bà Đặng Thị Tuyết H, bà H cũng đã cam kết về sau sẽ không còn yêu cầu đòi đất hay khiếu nại gì đến phần đất này.

[3] Theo đo đạc thực tế tại bản vẽ hiện trạng thửa đất của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Thương mại Gõ Tân Thành thực hiện ngày 28/4/2025 có tổng diện tích là 323,1m². Trong đó: thửa ký hiệu DGD1/114,2m² và thửa ký hiệu DGD2/208,9m² do Trường mầm non Rạng Đông đang quản lý (gọi đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo). Tại đơn khởi kiện, bà H xác định không yêu cầu đối với phần đất do Trường Mầm non quản lý nên cấp sơ thẩm đã đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với phần đất này là có căn cứ.

[4] Đối với phần đất còn lại cặp mé sông Trẹm mà bà H yêu cầu thể hiện tại bản vẽ hiện trạng thửa đất của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Thương mại Gõ Tân Thành thực hiện ngày 28/4/2025 có diện tích thửa ký hiệu HNK3/1.053,6m² ven Sông Trẹm. Phần đất này nằm ngoài giấy CNQSD đất của UBND xã B Đông, thuộc thửa đất số 265 tờ bản đồ số 13 là phần đất bảo lưu ven sông và bảo lưu tuyến lộ bờ Đông sông Trẹm, theo Công văn số 318/UBND do UBND huyện T ban hành ngày 07/4/2014, nên khu vực đất này UBND xã B cũ không còn sử dụng, chỉ quản lý bảo lưu theo quy định.

[5] Căn cứ theo Điều 191 của Luật Đất đai 2024 quy định về đất bãi bồi ven sông, ven biển. Giao cho UBND cấp huyện nay UBND cấp xã (tức UBND xã B) có trách nhiệm điều tra, khảo sát, theo dõi, đánh giá quỹ đất bãi bồi ven sông, ven biển thường xuyên được bồi tụ hoặc thường bị sạt lở để có kế hoạch khai thác, sử dụng. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định giao đất, cho thuê đất bãi bồi ven sông, ven biển thường xuyên được bồi tụ hoặc thường bị sạt lở cho người có nhu cầu. Việc sử dụng đất bãi bồi ven sông, ven biển dựa trên nguyên tắc bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường, phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông và phòng chống thiên tai. Do đó, việc yêu cầu của bà H giao phần đất này cho bà quản lý sử dụng thì phải được cơ quan có thẩm quyền về đất đai quyết định. Như vậy, theo yêu cầu của bà H yêu cầu UBND xã B trả lại phần đất diện tích tại thửa ký hiệu HNK3/1.053,6m² ven Sông Trẹm không nằm trong diện tích đất của UBND xã B được cấp, phần đất được cấp thì giao lại cho trường mầm non Rạng Đông và được sắp xếp theo quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND tỉnh Cà Mau. Hiện tại UBND xã B không còn sử dụng phần đất nào tại khu vực bà H yêu cầu nên không có đất để giao trả theo yêu cầu của bà H. Đối với phần đất tại thửa ký hiệu HNK3/1.053,6m² ven Sông Trẹm thì UBND xã B chỉ quản lý về địa giới quản lý hành chính về phần đất an toàn giao thông đường bộ được cơ quan có thẩm quyền giao. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi đất của bà H đối với UBND xã B là đã xem xét, đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện, phù hợp quy định pháp luật.

[6] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà H yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H: Xét thấy, như đã nhận định, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ đầy đủ, khách quan, toàn diện và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, tại cấp phúc thẩm bà H không cung cấp thêm chứng cứ mới, do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 38/2025/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Cà Mau, như đã phân tích trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn yêu cầu chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn: Như đã nhận định, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[9] Án phí phúc thẩm: Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí phúc thẩm cho bà H theo quy định.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 38/2025/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – C.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 40, 147, 157, 165, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 189, 190 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 96, 100, 166, 167 của Luật đất đai;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Tuyết H đối với UBND xã B, tỉnh Cà Mau.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đặng Thị Tuyết H với UBND xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau cũ (Nay là UBND xã B, tỉnh Cà Mau) về việc trả lại phần đất tại thửa ký hiệu HNK3/1.053,6m² ven Sông Trẹm, theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH MTV tài nguyên và thương mại Gỗ Tân Thành thực hiện ngày 28/4/2025.

(Kèm theo bản vẽ hiện trạng do Công ty TNHH MTV tài nguyên và thương mại Gỗ Tân Thành thực hiện ngày 28/4/2025)

3. Về chi phí tố tụng: Về chi phí đo đạc, định giá bà H phải chịu, bà H đã dự nộp, đối chiếu và thanh toán xong.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: UBND xã B không phải nộp. Miễn án phí sơ thẩm cho bà H.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí phúc thẩm cho bà H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa PT TATC tại Tp. HCM (01 bản);
- VKSND tỉnh Cà Mau (02 bản);
- TAND Khu vực 2 – C (01 bản);
- Phòng THADS Khu vực 2 - C (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Minh Nguyệt